

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lê	Ủy viên
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Hoàng	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

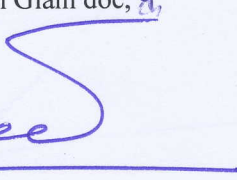
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời tuân thủ các quy định về việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 


Trần Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014



Audit - Corporate Finance

Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

Số: 166/2014/AP-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/6/2014 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty được lập ngày 15 tháng 8 năm 2014 từ trang 3 đến trang 24. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng chung của nền kinh tế: Doanh thu cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2014 đạt khoảng 1,027 tỷ đồng; kết quả kinh doanh của Công ty có lãi khoảng 2,851 tỷ đồng chủ yếu do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư và thanh lý các khoản đầu tư dài hạn. Lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2014 khoảng 2,996 tỷ đồng; dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2014 âm 1,35 tỷ (6 tháng năm 2013 là âm 5,046 tỷ đồng). Việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo cũng như tình hình thu hồi kịp thời các khoản công nợ phải thu và các sự hỗ trợ khác của chủ sở hữu (nếu có).



Vũ Bình Minh

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0034-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Đoàn Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1396-2013-148-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		33.449.841.762	18.760.623.739
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.226.040.554	1.546.646.072
1. Tiền	111		2.226.040.554	1.546.646.072
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	11.396.749.788	11.877.473.242
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.396.989.600	11.900.726.837
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(239.812)	(23.253.595)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.449.559.704	4.991.679.166
1. Phải thu của khách hàng	131		49.093.328	1.045.883.328
2. Trả trước cho người bán	132		9.397.301	7.816.775
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		4.693.113.389	3.824.444.644
5. Các khoản phải thu khác	135	6	14.744.100.007	159.678.740
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.144.321)	(46.144.321)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		377.491.716	344.825.259
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	1.072.500	177.529.998
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		89.245.885	89.245.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		287.173.331	78.049.376
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		33.904.693.764	46.194.292.898
II. Tài sản cố định	220		369.992.128	425.596.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	359.300.128	404.212.642
- Nguyên giá	222		1.090.985.699	1.090.985.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(731.685.571)	(686.773.057)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	10.692.000	21.384.000
- Nguyên giá	228		106.920.000	106.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(96.228.000)	(85.536.000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	33.326.783.076	45.510.189.466
3. Đầu tư dài hạn khác	258		34.722.234.422	48.022.671.761
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.395.451.346)	(2.512.482.295)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		207.918.560	258.506.790
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	85.068.560	125.656.790
3. Tài sản dài hạn khác	268		122.850.000	132.850.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		67.354.535.526	64.954.916.637

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 01-CTQ

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.329.218.514	1.780.683.220
I. Nợ ngắn hạn	310		1.329.218.514	1.780.683.220
2. Phải trả cho người bán	312		37.950.000	64.950.002
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.735.185	5.830.209
5. Phải trả người lao động	315		7.000.000	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.174.857.648	1.525.227.328
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		107.675.681	184.675.681
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.025.317.012	63.174.233.417
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.951.343.840	8.951.343.840
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		70.583.270	70.583.270
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.996.610.098)	(5.847.693.693)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		67.354.535.526	64.954.916.637

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ Trong đó:	006		19.360.670.000	20.008.840.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		19.360.670.000	20.008.840.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		13.626.200.000	13.626.200.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	25	2.876.929.970	25.297.917.221
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.805.662.007	25.223.035.861
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		71.267.963	74.881.360
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		384.156.920.690	368.060.229.122
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	26	384.156.920.690	368.060.229.122
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		469.713.146.971	469.892.114.944
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		5.108.601.465	4.290.082.174

Người lập

Lại Thị Tuyết

Phó Giám đốc tài chính

Lại Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu	01	15	1.026.939.856	1.331.629.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		1.026.939.856	1.331.629.983
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	16	588 269 497	630 520 531
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		438.670.359	701.109.452
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	3 945 994 068	501 994 711
7. Chi phí tài chính	22	18	(920.053.026)	548 386 925
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	2 453 153 860	3 196 031 765
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.851.563.593	(2.541.314.527)
11. Chi phí khác	32		479.998	-
12. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		(479.998)	-
13. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		2.851.083.595	(2.541.314.527)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.851.083.595	(2.541.314.527)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	475	(424)

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Người lập

Lại Thị Tuyết

Phó Giám đốc tài chính

Lại Thị Tuyết

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03-CTQ
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1	5.743.122.987	12.172.944.734
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(4.395.495.808)	(14.069.312.320)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(2.205.053.287)	(2.632.880.377)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	54.957.567	974.143.144
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(547.943.977)	(1.491.785.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.350.412.518)	(5.046.889.831)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(186.734.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.020.588.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.219.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.029.807.000	(186.734.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	679.394.482	(5.833.623.831)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.546.646.072	9.555.620.587
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.226.040.554	3.721.996.756

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Người lập

Phó Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

Lại Thị Tuyết

Lại Thị Tuyết



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Kỳ này	Năm trước		Năm trước	Kỳ này
			Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	8.951.343.840	8.951.343.840	-	-	8.951.343.840	8.951.343.840
3. Quỹ dự phòng tài chính	70.583.270	70.583.270	-	-	70.583.270	70.583.270
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	86.395.141	(5.847.693.693)	-	5.934.088.834	(5.847.693.693)	(2.996.610.098)
Cộng	69.108.322.251	63.174.233.417	-	5.934.088.834	63.174.233.417	66.025.317.012

Người lập

Lại Thị Tuyết

Phó Giám đốc tài chính

Lại Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 32/UBCK-GP ngày 24/4/2008 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 28/11/2012. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách các cổ đông của Công ty chi tiết như sau:

Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	624.000	6.240.000.000	10,4%
Công ty Tập đoàn T&T	732.000	7.320.000.000	12,2%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam	480.000	4.800.000.000	8,0%
Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ	420.000	4.200.000.000	7,0%
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	300.000	3.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	3.444.000	34.440.000.000	57,4%
Tổng cộng	6.000.000	60.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 16 người (31/12/2013 là 15 người) trong đó có 7 người có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư và Tư vấn đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng chung của nền kinh tế, thể hiện: Doanh thu cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2014 khoảng 1,027 tỷ đồng, kết quả kinh doanh của Công ty có lãi khoảng 2,851 tỷ đồng chủ yếu do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư và thanh lý các khoản đầu tư dài hạn. Lỗ lũy kế tại ngày 30/6/2014 khoảng 2,996 tỷ đồng; dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2014 âm 1,35 tỷ (6 tháng năm 2013 là âm 5,046 tỷ đồng). Việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo cũng như tình hình thu hồi kịp thời các khoản công nợ phải thu và các sự hỗ trợ khác của chủ sở hữu (nếu có). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng thị trường chứng khoán đang có những chuyển biến tích cực, hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ gặp nhiều thuận lợi hơn nên cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2014 đến 30/6/2014 được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập báo cáo tài chính giữa niên độ, phục vụ cho việc công bố thông tin được quy định tại Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu lãi hoạt động đầu tư, phải thu phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, phải thu về thưởng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, tiền thuê văn phòng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dưới một năm. Các chi phí này được tập hợp vào các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán và được vận dụng phù hợp với quy định hiện hành của thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Cụ thể như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định tại ngày lập dự phòng là giá đóng cửa đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên HNX là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn đối với cổ phiếu niêm yết trên HNX của Công ty theo giá đóng cửa trong việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 có sự chênh lệch không đáng kể so với việc áp dụng giá giao dịch bình quân theo Thông tư 228/2009/TT-BTC.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba (3) công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào công ty khác mà doanh nghiệp nắm giữ ít hơn 20% quyền biểu quyết và các khoản hợp tác đầu tư với thời hạn trên 12 tháng. Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trong Báo cáo tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập khi kết quả hoạt động kinh doanh từ các công ty này bị lỗ theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được tập hợp vào các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm theo quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư, phí thưởng hoạt động. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi xác định được một cách chắc chắn và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và trị giá vốn của chứng khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	29.815.100	4.256.900
Tiền gửi ngân hàng	2.196.225.454	1.542.389.172
Tổng cộng	2.226.040.554	1.546.646.072

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	792.308	11.396.989.600	857.125	11.900.726.837
Trong đó:				
- Cổ phiếu niêm yết	308	2.189.600	65.125	505.926.837
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín	248	1 421 788	265	1.519.249
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	60	767.812	60	767.812
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần thép Việt Ý	-	-	10.200	124.105.873
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Intresco	-	-	35.000	281.922.250
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	-	19.600	97.611.653
- Cổ phiếu chưa niêm yết	792.000	11.394.800.000	792.000	11.394.800.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO	400.000	6.010.000.000	400.000	6.010.000.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Công đoàn Việt Nam	392.000	5.384.800.000	392.000	5.384.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(239.812)		(23.253.595)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	60	(239.812)	60	(413.812)
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần thép Việt Ý	-	-	10.200	(8.845.880)
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Intresco	-	-	35.000	(12.422.250)
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	-	19.600	(1.571.653)
Tổng cộng	792.308	11.396.749.788	857.125	11.877.473.242

(*): Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết. Mặc dù vậy Ban Giám đốc đánh giá Công ty không phát sinh các khoản lỗ tiềm tàng từ các cổ phiếu nói trên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (*)	14.664.900.000	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	4.340.872	61.777.627
Phải thu khác	74.859.135	97.901.113
Tổng cộng	<u>14.744.100.007</u>	<u>159.678.740</u>

(*): Chi tiết xem tại Thuyết minh số 11

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	-	5.749.997
Tiền thuê văn phòng	-	163.500.001
Chi phí trả trước khác	1.072.500	8.280.000
Tổng cộng	<u>1.072.500</u>	<u>177.529.998</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	-	8.733.990
Chi phí sửa chữa văn phòng	81.851.060	112.545.200
Khác	3.217.500	4.377.600
Tổng cộng	<u>85.068.560</u>	<u>125.656.790</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2014	898.250.300	192.735.399	1.090.985.699
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	898.250.300	192.735.399	1.090.985.699
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2014	494.037.658	192.735.399	686.773.057
Khấu hao trong kỳ	44.912.514	-	44.912.514
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	538.950.172	192.735.399	731.685.571
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	404.212.642	-	404.212.642
Tại ngày 30/06/2014	359.300.128	-	359.300.128

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 192.735.400 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 192.735.400 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 1/1/2014	106.920.000	106.920.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2014	106.920.000	106.920.000
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 1/1/2014	85.536.000	85.536.000
Khấu hao trong kỳ	10.692.000	10.692.000
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2014	96.228.000	96.228.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	21.384.000	21.384.000
Tại ngày 30/06/2014	10.692.000	10.692.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN – HÀ NỘI
Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B 09-CTQ

MẪU SỐ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Cổ phiếu đầu tư dài hạn (*)

Trong đó:

- Cổ phiếu niêm yết

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

- Cổ phiếu chưa niêm yết

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bộ nhớ điện tử

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8

Đầu tư dài hạn khác

- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTEĐT/SHF ngày 2/10/2010 (i)

- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTEĐT/SHF ngày 01/12/2010 (ii)

- Hợp tác đầu tư với ông Nguyễn Ngọc Phúc (iii)

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI) (iv)

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI)

Tổng cộng

30/6/2014		1/1/2014	
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1.347.379	14.165.103.978	1.347.379	14.165.103.978
776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
570.620	7.818.367.340	570.620	7.818.367.340
184.800	3.869.167.340	184.800	3.869.167.340
372.820	3.728.200.000	372.820	3.728.200.000
13.000	221.000.000	13.000	221.000.000
	20.557.130.444		33.857.567.783
	-		8.420.437.339
	-		4.880.000.000
	6.286.141.674		6.286.141.674
	14.270.988.770		14.270.988.770
	(1.395.451.346)		(2.512.482.295)
	-	776.759	(1.064.775.438)
13.000	(65.000.000)	13.000	(65.000.000)
	(1.330.451.346)		(1.382.706.857)
1.347.379	33.326.783.076	1.347.379	45.510.189.466

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN – HÀ NỘI
Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B 09-CTQ

MẪU SỐ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Cổ phiếu đầu tư dài hạn (*)

Trong đó:

- Cổ phiếu niêm yết

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

- Cổ phiếu chưa niêm yết

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bộ nhớ điện tử

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8

Đầu tư dài hạn khác

- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 2/10/2010 (i)

- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 01/12/2010 (ii)

- Hợp tác đầu tư với ông Nguyễn Ngọc Phúc (iii)

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI) (iv)

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI)

Tổng cộng

30/6/2014		1/1/2014	
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1.347.379	14.165.103.978	1.347.379	14.165.103.978
776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
570.620	7.818.367.340	570.620	7.818.367.340
184.800	3.869.167.340	184.800	3.869.167.340
372.820	3.728.200.000	372.820	3.728.200.000
13.000	221.000.000	13.000	221.000.000
	20.557.130.444		33.857.567.783
	-		8.420.437.339
	-		4.880.000.000
	6.286.141.674		6.286.141.674
	14.270.988.770		14.270.988.770
	(1.395.451.346)		(2.512.482.295)
	-	776.759	(1.064.775.438)
13.000	(65.000.000)	13.000	(65.000.000)
	(1.330.451.346)		(1.382.706.857)
1.347.379	33.326.783.076	1.347.379	45.510.189.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

(i): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (“BWI”) để mua lại quyền thuê đất nông nghiệp tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Khu đất sẽ được lập dự án xin chuyển đổi thành đất ở đô thị. Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư: Hai bên thống nhất thành lập công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Sóng Xanh Hà Nội để quản lý và khai thác khu đất. Công ty ủy thác vốn đầu tư và ủy quyền cho BWI thực hiện các giao dịch và thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua lại khu đất trên.

Khoản đầu tư trên đã được thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014/TLHĐHTKDU/SHF-BWI ngày 8/4/2014 và biên bản làm việc hai bên ngày 16/04/2014, Theo đó, BWI sẽ trả cho Công ty tổng số tiền là 8,75 tỷ đồng đồng thời sẽ được hưởng toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn ủy thác. Đến thời điểm 30/06/2014 số tiền còn phải thu của BWI theo thanh lý hợp đồng là 8,3 tỷ đồng. Theo thỏa thuận của các bên, số tiền này sẽ được BWI thanh toán cho Công ty trong quý III/2014

(ii): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (“BWI”) để mua lại quyền khai thác 1.220 m² đất tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Tổng số tiền mua khoảng 6,1 tỷ đồng. Quyền khai thác lô đất sẽ được chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác hoặc xin chuyển đổi thành đất ở đô thị. Công ty đã ủy quyền cho BWI ký hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khu đất nói trên cho Công ty Cổ phần Dược liệu Hà Nội

Tại ngày 8/4/2014 Công ty và BWI đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2014/TLHĐHTĐT/SHF-BWI. Tổng giá trị thu hồi từ khoản đầu tư trên là 8.235.488.000 đồng. Đến thời điểm 30/06/2014 số tiền còn phải thu của BWI theo thanh lý hợp đồng là 6.364.900.000 đồng. BWI sẽ thanh toán số tiền này cho Công ty ngay sau khi Công ty Dược liệu Hà Nội thanh toán tiền cho BWI.

(iii): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TTGVDT/2011 ngày 03/01/2011 với ông Nguyễn Ngọc Phúc để mua lại quyền sử dụng đất và công trình trên đất thuộc khu đất có diện tích 103,2 m² tại số 1116 đường 3/2 phường 12, quận 11 thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50/50. Công ty giao cho Ông Nguyễn Ngọc Phúc đứng tên trên Giấy chứng nhận sở hữu nhà và quyền sử dụng đất.

Theo Biên bản làm việc 03 bên giữa Công ty với Ông Hồ Văn Lâm và Ông Nguyễn Ngọc Phúc ngày 11/07/2014; quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản thuộc khu đất nêu trên sẽ được chuyển nhượng cho Ông Hồ Văn Lâm với số tiền 9,15 tỷ đồng. Theo đó Ông Hồ Văn Lâm phải trả cho Công ty số tiền là 4,575 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Ông Hồ Văn Lâm đã thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Công ty.

(iv): Phản ánh giá trị của 1.159.000 cổ phiếu Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (mã chứng khoán PSI) theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 86/HĐ2009/PSI-SHF ngày 06/10/2009, chiếm 1,94% vốn điều lệ của PSI. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được soát xét của PSI cho cùng kỳ hoạt động; theo đó việc xác định mức độ tổn thất của khoản đầu tư này để làm căn cứ lập dự phòng giảm giá cổ phiếu PSI được Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 trước kiểm toán/soát xét của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

(*): Là các khoản đầu tư cho mục đích dài hạn, Công ty không có kế hoạch chuyển nhượng các khoản đầu tư chứng khoán này trong thời gian 12 tháng tiếp theo. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết. Mặc dù vậy Ban Giám đốc đánh giá Công ty không phát sinh các khoản lỗ tiềm tàng từ các cổ phiếu này đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.735.185	5.830.209
Tổng cộng	1.735.185	5.830.209

13. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
BHXH, BHYT, BHTN	68.769.509	55.447.692
Kinh phí công đoàn	2.316.300	7.253.900
Phải trả danh mục ủy thác	914.606.071	914.606.071
Các khoản phải trả phải nộp khác	189.165.768	547.919.665
Tổng cộng	1.174.857.648	1.525.227.328

14. CỔ PHẦN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</u>
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	1.026.939.856	1.331.277.694
Doanh thu khác	-	352.289
Tổng cộng	1.026.939.856	1.331.629.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ KINH DOANH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên	532.896.346	584.536.688
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	3.945.155
Chi phí DV mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	55.373.151	42.038.688
Tổng cộng	588.269.497	630.520.531

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.769.201	129.575.966
Lãi đầu tư chứng khoán	245.955.206	372.418.745
Thanh lý đầu tư dài hạn (*)	3.685.050.661	-
Cổ tức nhận được	9.219.000	-
Tổng cộng	3.945.994.068	501.994.711

(*): Doanh thu từ việc thanh lý các khoản đầu tư dài hạn, bao gồm:

- Thanh lý Thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 2/10/2010 với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014/TLHĐHTKDU/SHF-BWI ngày 8/4/2014 và Biên bản làm việc hai bên ngày 16/4/2014. Lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư là 329.562.661 đồng.
- Thanh lý Thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 01/12/2010 với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2014/TLHĐHTĐT/SHF-BWI. Lợi nhuận khoản đầu tư mang lại là 3.355.488.000 đồng.

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi đầu tư chứng khoán	219.991.706	1.325.211.925
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(1.140.044.732)	(776.825.000)
Tổng cộng	(920.053.026)	548.386.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.709.547.589	1.954.277.099
Chi phí khấu hao TSCĐ	55.604.514	62.313.563
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.379.734	544.522.001
Chi phí bằng tiền khác	237.622.023	631.919.102
Tổng cộng	2.453.153.860	3.196.031.765

20. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.851.083.595	(2.541.314.527)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Lỗ được kết chuyển	2.851.083.595	-
Thu nhập chịu thuế	-	(2.541.314.527)
Thuế suất hiện hành	20%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thuế TNDN phải nộp	-	-

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2.851.083.595	(2.541.314.527)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	475	(424)

22. THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
		VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	327.000.000	327.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản thuê hoạt động với lịch thanh toán dự kiến như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	654.000.000	654.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.471.500.000	1.798.500.000
Sau năm năm	-	-
	<u>2.125.500.000</u>	<u>2.452.500.000</u>

23. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư bên liên quan

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.425.025.983	3.644.342.375
Phải trả khác		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	914.606.071	914.606.071

Giao dịch với bên liên quan

	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/06/2013</u>
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	780.683.608	1.606.588.048

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản phải trả trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được nêu tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.226.040.554	1.546.646.072
Đầu tư ngắn hạn	11.396.749.788	11.877.473.242
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.440.162.403	4.922.084.764
Đầu tư dài hạn	33.326.783.076	45.510.189.466
Tài sản tài chính khác	122.850.000	132.850.000
Cộng	66.512.585.821	63.989.243.544
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.141.721.839	1.527.475.738
Cộng	1.141.721.839	1.527.475.738

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá cổ phiếu do thực hiện mua một số loại cổ phiếu nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường cổ phiếu nhằm quản lý thời điểm mua cổ phiếu và bán cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2014.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2014 là 46.144.321 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 46.144.321 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản phải trả ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.141.721.839	-	1.141.721.839
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.527.475.738	-	1.527.475.738

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.226.040.554	-	2.226.040.554
Đầu tư ngắn hạn	11.396.749.788	-	11.396.749.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.440.162.403	-	19.440.162.403
Đầu tư dài hạn		33.326.783.076	33.326.783.076
Tài sản tài chính khác		122.850.000	122.850.000

25. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Từ 01/01/2014 đến	Từ 01/01/2013 đến
	30/06/2014	30/06/2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	25.297.917.221	3.494.169.927
Tăng trong kỳ	4.308.774.296	213.323.550.076
Giảm trong kỳ	26.729.761.547	163.112.534.327
Số dư cuối kỳ	2.876.929.970	53.705.185.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết		100.608.109.190		101.801.962.122
<i>Trong đó các cổ phiếu bị giảm giá:</i>				
PSI	7.500.000	99.851.750.000	7.500.000	99.851.750.000
SHS	50.700	750.360.000	50.700	750.360.000
TKC	2	31.091	2	31.091
VCS	146	2.941.200	146	2.941.200
DHC			2	24.600
DLG			60.000	294.587.996
HSG			5.700	246.461.940
ITC			20.000	162.324.000
PTL			40.000	116.231.997
VIS			20.000	231.963.000
Cổ phiếu chưa niêm yết		127.340.000.000		127.340.000.000
<i>Trong đó các cổ phiếu bị giảm giá:</i>				
VMO	400.000	7.340.000.000	400.000	7.340.000.000
Trái phiếu		135.418.267.000		135.418.267.000
Khác		20.790.544.500		3.500.000.000
Tổng cộng		384.156.920.690		368.060.229.122

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

28. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu tại ngày 01/01/2014 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu chuyển sang tại ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trong Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Người lập

Phó Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc



Lại Thị Tuyết

Lại Thị Tuyết

Trần Minh Hoàng